

Số: /TB-TNMT

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Đơn vị thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

- Địa chỉ: Số 50 đường Ngô Gia Tự, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Tài sản đấu giá

2.1. Tên tài sản: Quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại **34 điểm mỏ** đủ điều kiện đưa vào đấu giá quyền khai thác khoáng sản (gồm: 19 điểm mỏ đất san lấp; 11 điểm mỏ cát đồi, 02 cát bãi sông và 02 điểm mỏ đất sét). (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2.2. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/3/2023, cụ thể: Giá khởi điểm đối với 34 khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R). Bao gồm:

- Đối với 19 khu vực mỏ đất san lấp: Giá khởi điểm là $R = 3\%$.

- Đối với 02 khu vực mỏ đất làm gạch: Giá khởi điểm là $R = 5\%$.

- Đối với 13 khu vực mỏ cát, sỏi : Giá khởi điểm là $R = 5\%$.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2.3. Phương thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá và theo phương thức trả giá lên. Sẽ tổ chức 01 cuộc đấu giá với 34 khu vực mỏ nêu trên theo Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/3/2023.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và theo Điều 2, Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

4. Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký: Hồ sơ đăng ký gồm:

4.1. Văn bản đăng ký thực hiện tổ chức cuộc đấu giá tài sản (bản chính).

4.2. Một (01) bộ hồ sơ năng lực (*đóng quyển*) chứng minh đủ năng lực thực hiện theo tiêu chí nêu tại mục 3 Thông báo này (*các tài liệu chứng minh kèm theo là bản sao có chứng thực*).

4.3. Một (01) bản Phương án đấu giá tài sản (*đóng quyển, bản chính*).

4.4. Hai (01) bản dự thảo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cho 01 cuộc đấu giá nêu trên.

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ

5.1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (*trong giờ hành chính*).

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ của ngày kết thúc thông báo).

5.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: số 50 đường Ngô Gia Tự, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Mọi chi tiết liên hệ trong giờ làm việc: Phòng Tài nguyên khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; điện thoại 02043 555 294.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- LĐ Sở (GD, PGĐ-PT);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và TH tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ và PTQĐ (đăng tin);
- TNKS, VPS (niêm yết tại Trụ sở cơ quan).
- Lưu: VT, TNKS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Văn Xuyên

**PHỤ LỤC. GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ BƯỚC GIÁ ĐỐI VỚI CÁC MỎ
KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG**
CHƯA THẨM DÒ KHOÁNG SẢN ĐƯA RA ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số /TB-TNMT ngày /3/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang)

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm= R (%)	Bước giá = 10%R (%)
I	Đất san lấp (19 điểm mỏ)	136,5	21.460.000		
1	Khu Tam Đoan, thôn Đồng Quần, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam	10,0	1.500.000	3	0,3
2	Khu Ba Quả, Đá Đen, thôn Ao Vè, Bãi Gạo, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam	10,0	1.500.000	3	0,3
3	Khu Hố Sậy, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	5,0	750.000	3	0,3
4	Hố Lầy, Đồi Tròn, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	5,0	750.000	3	0,3
5	Khu Bót, Hồ Vả, thôn Hồ Dầu, thôn Kim Xa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	15,0	2.500.000	3	0,3
6	Khu Đèo Hối, thôn Dăm, thôn Giáp Xá, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	15,0	2.500.000	3	0,3
7	Khu Quán Giếng, thôn Ngạc Lâu, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	10,0	1.800.000	3	0,3
8	Khu Hồ Gồm, Hồ Gạo, thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam	10,0	1.500.000	3	0,3
9	Khu Rừng Khum, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	3,0	300.000	3	0,3
10	Khu Rừng Đèo, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	4,0	300.000	3	0,3
11	Khu Hồ Ngang, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	3,5	400.000	3	0,3
12	Hồ Biêu, thôn Vườn, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, huyện Lục Nam	7,0	1.500.000	3	0,3
13	Khu vực thôn Náng, thôn Thanh Hà, xã Thanh Luận, huyện Sơn Động	5,0	800.000	3	0,3
14	Khu vực thôn Nhân Định, xã Yên Định, huyện Sơn Động	5,0	800.000	3	0,3
15	Khu vực thôn Thanh Hương, thôn Thượng, thôn Tàu, xã Long Sơn, huyện Sơn Động	5,0	800.000	3	0,3
16	Khu vực thôn Thượng, thôn Cẩm Đàn, thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	5,0	800.000	3	0,3

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm= R (%)	Bước giá = 10%R (%)
17	Khu vực tổ dân phố Đoàn kết, tổ dân phố Mậu, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động	10,0	1.500.000	3	0,3
18	Khu Đập Cẩm, thôn Tân Thành, xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn	5,0	1.000.000	3	0,3
19	Khu vực thôn Nước Giời, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	4,0	460.000	3	0,3
II	Đất sét gạch (2 điểm mỏ)	31,0	1.240.000		
1	Khu Đồng Cỏ, Dộc Trung, thôn Liên Phong (Mai Sơn), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	6,0	240.000	5	0,5
2	Khu vực bãi bồi ven sông cầu, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng	25,0	1.000.000	5	0,5
III	Cát, sỏi (13 điểm mỏ)	143,85	20.050.000		
1	Khu bãi bồi ven sông Cầu, thị trấn Nham Biền (xã Thắng Cương), huyện Yên Dũng	4,85	250.000	5	0,5
2	Khu bãi bồi ven sông Cầu, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng	10,0	500.000	5	0,5
3	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Trại Chùa, xã Yên Định và thôn Vá, xã An Bá, huyện Sơn Động (Khu I)	10,0	1.500.000	5	0,5
4	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Trại Chùa, xã Yên Định và thôn Vá, xã An Bá, huyện Sơn Động (Khu II)	10,0	1.500.000	5	0,5
5	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Trại Chùa, xã Yên Định và thôn Vá, xã An Bá (Khu III), huyện Sơn Động	15,0	2.500.000	5	0,5
6	Mỏ cát kết (cát đồi) khu Cỗ Bông, thôn Tuấn An, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (Khu I)	10,0	1.500.000	5	0,5
7	Mỏ đá cát kết khu Cỗ Bông, thôn Tuấn An, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (Khu II)	20,0	3.000.000	5	0,5
8	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (khu I)	6,0	900.000	5	0,5
9	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (khu III)	15,0	2.500.000	5	0,5
10	Mỏ cát kết (cát đồi) thôn Đồng Dương, xã An Lạc, huyện Sơn Động	5,0	700.000	5	0,5
11	Mỏ cát kết (cát đồi) khu vực thôn Nghèo, xã Tuấn Đạo, thôn Đồng Tàn, xã An Bá, huyện Sơn Động (Khu I)	20,0	3.000.000	5	0,5

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm= R (%)	Bước giá = 10%R (%)
12	Mỏ cát kết (cát đồi) khu vực thôn Nghèo, xã Tuấn Đạo, thôn Đồng Tàn, xã An Bá, huyện Sơn Động (Khu II)	8,0	1.000.000	5	0,5
13	Mỏ cát kết (cát đồi) khu vực Bàn Dăng, thôn Tuấn An, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	10,0	1.200.000	5	0,5
	Tổng cộng: 34 điểm mỏ	311,35	42.750.000		

Ghi chú: R- là mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ.